

Bản án số: 303/2024/HS-ST
Ngày 19-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Lê Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thế Cần – Nguyên Bí thư Đoàn phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
2. Ông Trần Văn Tam – Cán bộ về hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Sỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 159/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 179/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 04 năm 2024; các Quyết định hoãn phiên tòa số 418 ngày 08/5/2024/HSST-QĐ và số 484/2024/HSST-QĐ ngày 08/5/2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Tấn L**, sinh ngày 16/3/2007 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: 2/2, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S và bà Mai Thị B; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh S và bà Mai thị B1, sinh năm: 1987; địa chỉ: nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; nơi ở: Tổ A, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo L: Bà Nguyễn Ngọc H là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Ngọc A, sinh ngày 13/4/2006 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: 8/1, tổ A, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T và bà Bùi Thị T1; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo L: Bà Hoàng Minh T2 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

3. Đặng Thái Q, sinh năm 1999 tại tỉnh Phú Yên; HKTT: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc R và bà Lê Thị Thu T3; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/9/2023 đến ngày 14/9/2023. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. Hứa Trung P, sinh ngày 26/6/2007 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: 65A, tổ B, khu phố D, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Trung H1 và bà Nguyễn Thị Mỹ Y; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hứa Trung H1, sinh năm: 1983 và bà Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh năm: 1975; cư trú: 65A, tổ B, khu phố D, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo L: Bà Hoàng Minh T2 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

5. **Trần Chí H2**, sinh năm 1999 tại tỉnh Bạc Liêu; HKTT: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Tổ D, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoài H3 và bà Lê Thị N; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/7/2016, bị Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 (theo bản án số 203/2016/HSST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt từ ngày 08/02/2018, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên không xem là tiền án.

Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 08/9/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Nhựt H4**, sinh ngày 15/4/2004 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: 22/2, tổ G, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ten D (bỏ đi đâu không rõ) và bà Nguyễn Thị Mỹ V; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/3/2022, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo bản án số 112/2022/HSST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt từ ngày 03/4/2023. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không xem là tiền án.

Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 08/9/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

7. **Thái Thành S1**, sinh ngày 07/01/2007 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: 160/47, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Thành X và Đào Thị Ngọc G; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Thành X, sinh năm: 1988 và bà Đào Thị Ngọc G, sinh năm: 1989; cư trú: 160/47, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo L: Bà Nguyễn Thị L1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đoàn Thị Hồng H5, sinh năm 1998.

Địa chỉ: P, nhà trọ bà B2, tổ A, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Văn T4, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 7, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Trịnh Thanh N1, sinh ngày 15/08/2004; HKTT: Tổ C, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: 95/33, tổ C, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa;

3. Anh Huỳnh Văn H6, sinh ngày 14/11/2008; địa chỉ: Nhà trọ ông D1, tổ B, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

4. Anh Hồng Kim B3, sinh ngày 10/05/2010; địa chỉ: K, tổ D, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

5. Anh Chung Bảo L2, sinh ngày 23/08/2008; địa chỉ: A, tổ B, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

6. Anh Châu Hồng H7, sinh ngày 14/04/2008; địa chỉ: D, tổ C, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

7. Anh Đặng Thanh H8, sinh ngày 25/12/2007; vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: A, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

8. Anh Võ Văn T5, sinh ngày 03/01/2009; địa chỉ: Tổ B, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

9. Chị Trần Phương V1, sinh ngày 26/09/2007; địa chỉ: A, tổ G, khu phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung sự việc của vụ án:

Khoảng 21 giờ ngày 05/9/2023, anh Lê Văn T4 (sinh năm 1988, ngụ tại 7, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B) đến quán nước G thuộc phường H thành phố B gặp chị Trịnh Thanh N1 (sinh năm 2004, ngụ tại tổ C, khu phố G, phường T, thành phố B) để đòi giúp Trần Minh H9 (bạn T4) số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) mà N1 nợ H9. Do N1 cho rằng không nợ H9 số tiền trên nên hai bên không thoả thuận được. Cùng lúc này có Đinh Đông Anh H10 (C, sinh ngày 12/9/2007, ngụ tại khu phố A, phường T, thành phố B), Huỳnh Văn H6 (C, sinh năm 2008, ngụ tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang) và Nguyễn Nhật H4 cũng đang ngồi uống nước tại bàn bên cạnh nên N1 kể lại sự việc bị vô cớ đòi nợ và việc chưa lấy lại được chiếc xe mô tô của N1 đang để tại quán karaoke “T-H” do H9 quản lý cho Anh H4, H6 và Nhật H4 nghe. Do Anh H4 có mâu thuẫn với T4 từ trước về chuyện tình cảm nên Anh H4 rủ Nhật H11 và H6 đuổi theo T4 đến chân Cầu H rồi xông vào đánh anh T4 nhưng không gây thương tích.

Khoảng 18 giờ ngày 06/9/2023, từ việc bị nhóm của Anh H11 đánh nên T4 nhắn tin vào điện thoại của N1 với nội dung muốn gặp Anh H11. N1 đưa điện thoại cho Anh H11 nhắn tin nói chuyện với T4. Anh H11 sử dụng điện thoại của N1 nhắn tin cãi vã với T4 và hai bên hẹn gặp nhau vào lúc 01 giờ ngày 07/9/2023 để giải quyết mâu thuẫn.

Do đang có mâu thuẫn với T4 về chuyện tình cảm nên Anh H11 nảy sinh ý định đánh T4 nên đã rủ Trần Ngọc A (T6), Nguyễn Nhựt H4 và Huỳnh Văn H6, Võ Văn T5 (sinh ngày 03/01/2009, ngụ tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng) cùng tham gia đi đánh T4 thì tất cả đồng ý. Sau khi được Anh H4 rủ, các bạn của Anh H4 rủ thêm người để tập hợp và chuẩn bị hung khí đi đánh T4, cụ thể: H6 rủ thêm Trần Chí H2, Đặng Thái Q, Chung Bảo L2 (sinh ngày 23/08/2008, ngụ tại A, tổ B, khu phố C, phường H, thành phố B); Ngọc A rủ thêm Nguyễn Tấn L, Đặng Thanh H8 (sinh ngày 25/12/2007, ngụ tại A, khu phố D, phường Q, thành phố B), Châu Hồng H7 (sinh ngày 14/04/2008, ngụ tại D, tổ C, khu phố D, phường Q, thành phố B). L rủ thêm Hứa Trung P, Hồng Kim B3 (sinh ngày 10/05/2010, ngụ tại K, tổ D, khu phố C, phường B, thành phố B)

Để chuẩn bị đánh nhau, cả nhóm tụ tập tại nhà của Anh H4 địa chỉ 2166/7/9, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để chuẩn bị hung khí để đi đánh nhau. L chở Hứa Trung P về nhà để lấy 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 50cm, có cán gỗ dài khoảng 15cm, lưỡi dao kim loại một đầu nhọn dài khoảng 55cm; Q mang theo 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 50cm, có cán gỗ dài khoảng 15cm, lưỡi dao kim loại một đầu nhọn dài khoảng 35cm; H6 gọi điện thoại cho Thái T7 S1 mượn 03 dao tự chế để đi đánh nhau thì S1 đồng ý. Sau đó H6 nhờ Ngọc A đi đến nhà S1 lấy hung khí, L chở Ngọc A đi đến nhà S1 tại địa chỉ A, khu phố A, phường H, thành phố B lấy 03 dao tự chế gồm: 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 50cm, cán nhựa 15cm, lưỡi dao nhọn bằng kim loại 35cm, 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 50cm, cán gỗ 15cm, lưỡi dao nhọn bằng kim loại 35cm, 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 70cm, cán kim loại quấn dây dù dài 15cm, lưỡi dao dài 55cm;

Sau khi đã tập hợp đông đủ nhóm và chuẩn bị hung khí thì Anh H4 cùng cả nhóm dự định sẽ hẹn gặp và đánh nhau với nhóm của T4 tại khu đất trống K thuộc khu phố H, phường H, thành phố B, đồng thời Anh H4 nhờ N1 và Trần Phương V1 (sinh năm 2007, ngụ tại A, tổ G, khu phố T, phường L, thành phố B) đi đến địa điểm nêu trên và dùng điện thoại của N1 gửi định vị cho T4 (Anh H4 không nói cho N1 và V1 không biết việc các đối tượng hẹn gặp đánh nhau) để T4 biết địa điểm đánh nhau, sau đó N1 và V1 đi về nhà.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả nhóm đang tụ tập, chuẩn bị hung khí xong và đợi đến giờ hẹn đi đánh nhau với nhóm của T4, thì bị tổ tuần tra Công an phường H phát hiện nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, cùng với tang vật là 05 con dao tự chế như trên.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A, Đặng Thái Q, Hứa Trung P, Trần Chí H2, Nguyễn Nhựt H4 và Thái Thành S1 đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

*** Vật chứng thu giữ liên quan đến việc phạm tội:**

- 05 (Năm) con dao tự chế gồm có:
- + 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 70cm, cán gỗ dài 15cm, lưỡi dao kim loại dài 55cm;

+ 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 70cm, cán kim loại quấn dây dù dài 15cm, lưỡi dao dài 55cm;

+ 02 (hai) cây dao tự chế dài khoảng 50cm, cán gỗ dài 15cm, lưỡi dao kim loại dài 35cm;

+ 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 50cm, cán nhựa dài 15cm, lưỡi dao kim loại dài 35cm.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu xanh của Nguyễn Nhựt H4 sử dụng vào việc phạm tội.

*** Tài sản không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu:**

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12, của Đặng Thái Q không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Q (Bút lục 273, 290).

- 01 (Một) xe mô tô biển số 78G1 – 577.93, số máy: 2412122, số khung: MH1KF4120MK408002 do Đặng Thái Q sử dụng. Kết quả xác minh xác định đây là tài sản của chị Đoàn Thị Hồng H5 (sinh năm 1998, ngụ tại khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên), chị H5 cho Q mượn xe nhưng không biết Q sử dụng vào việc phạm tội nên Công an phường H, thành phố B đã trả lại xe cho chị H5 (Bút lục: 172, 273-280).

*** Tài sản chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan điều tra tách ra xác minh xử lý sau:**

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số: 60H5 – 1304, số máy: YOO96747, số khung: Y0511016 do Trần Chí H2 sử dụng. Kết quả tra cứu, xe mô tô trên do Trần Thái P1, địa chỉ 1, Phường Q, thành phố B, Đồng Nai đứng tên đăng ký xe. Qua xác minh P1 không có mặt địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được để làm rõ nguồn gốc và chủ sở hữu (Bút lục: 171).

- 01 (Một) xe mô tô biển số 60T7 – 8220, số máy: 00001310, số khung: T000438 do Nguyễn Nhựt H4 sử dụng. Kết quả tra cứu xe mô tô trên do Trương Văn P2 (sinh năm 1977, ngụ tại A, khu phố B, phường T, thành phố B) đứng tên đăng ký xe. Qua xác minh P2 không có mặt địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được để làm rõ nguồn gốc và chủ sở hữu.

5. Truy tố:

- Tại Cáo trạng số: 177/CT-VKSBH ngày 21/3/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A, Đặng Thái Q, Hứa Trung P, Trần Chí H2, Nguyễn Nhựt H4, Thái Thành S1 về tội: “Cố ý gây thương tích”, theo khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

+ Áp dụng khoản 6 Điều 134; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Đặng Thái Q, Hứa Trung P, Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A và Thái Thành S1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Các bị cáo Hứa Trung P, Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A và Thái Thành S1 là người dưới 18 tuổi phạm tội nên được áp dụng các quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự;

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

2. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc A 12 (mười hai) tháng đến 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

3. Xử phạt bị cáo Đặng Thái Q từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù.

4. Xử phạt bị cáo Hứa Trung P 08 (tám) đến 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.

5. Xử phạt bị cáo Trần Chí H2 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù.

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt H4 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù.

7. Xử phạt bị cáo Thái Thành S1 08 (tám) đến 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

6. Ý kiến của người tham gia tố tụng và người bào chữa có mặt tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo:

+ Bà Nguyễn Ngọc H trình bày lời bào chữa: Bà H thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tấn L. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xem xét xử phạt bị cáo hình thức cải tạo không giam giữ.

+ Bà Hoàng Minh T2 trình bày lời bào chữa cho bị cáo Hứa Trung P và Trần Ngọc A: Bà T2 thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo P và L. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, phạm tội khi chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xem xét xử phạt cho các bị cáo P, L hưởng mức án dưới mức thấp

nhất của khung hình phạt và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với hai bị cáo.

+ Bà Nguyễn Thị L1 trình bày lời bào chữa: Bà L1 thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Thái Thành S1. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, phạm tội khi chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S1 được quy định tại khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xem xét xử phạt cho bị cáo S1 hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

- Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

- Những người đại diện theo pháp luật của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng anh Lê Văn T4, Đặng Thanh H8 vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố và tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 06/9/2023, tại địa chỉ 2166/7/9, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, do mâu thuẫn với Lê Văn T4 nên Đinh Đông Anh H10 có hành vi hện anh T4 tập hợp lực lượng đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn. Anh H10 đã rủ Đặng Thái Q, Nguyễn Nhật H4, Trần Chí H2, Hứa Trung P, Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A và các đối tượng Huỳnh Văn H6 (sinh ngày 14/11/2008), Đặng Thanh H8 (sinh ngày 25/12/2007), Châu Hồng H7 (sinh ngày 14/04/2008), Chung Bảo L2 (sinh ngày 23/08/2008), Võ Văn T5 (sinh ngày 03/01/2009) và Hồng Kim B3 (sinh

ngày 10/05/2010) chuẩn bị 05 dao tự chế các loại, trong đó có 03 dao tự chế do Thái Thành S1 cung cấp để chờ đến giờ hẹn đánh nhau với nhóm của T4, thì bị tổ tuần tra của Công an phường H, thành phố B phát hiện bắt quả tang.

- *Về tội danh*: Từ phân tích trên, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đặng Thái Q, Hứa Trung P, Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A, Thái Thành S1, Trần Chí H2 và Nguyễn Nhựt H4 phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 6 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 177/CT-VKSBH ngày 21/3/2024 và kết luận của Kiểm sát viên của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo các bị cáo Đặng Thái Q, Hứa Trung P, Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A, Thái Thành S1, Trần Chí H2 và Nguyễn Nhựt H4 về tội “Cố ý gây thương tích” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự và trị an tại địa phương; Bị cáo Trần Chí H2 và Nguyễn Nhựt H4 có nhân thân xấu, đã bị xử phạt về tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản” phạm tội khi các bị cáo chưa thành niên, nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội. Các bị cáo các bị cáo Hứa Trung P, Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A và Thái Thành S1 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất đồng phạm: Trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò trước và sau khi phạm tội mà chỉ là bộc phát rủ rê nhau thực hiện hành vi cố ý gây thương tích nên xem là đồng phạm giản đơn.

- Về vai trò của từng bị cáo: Bị cáo Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A giữ vai trò là người vừa rủ rê và chuẩn bị hung khí; bị cáo Đặng thái Q1, Hứa Trung P và Thái Thành S1 chuẩn bị hung khí; bị cáo Nguyễn Nhựt H4 và Trần Chí H2 đồng phạm cùng tụ tập tham gia chuẩn bị thực hiện hành vi cố ý gây thương tích.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, các bị cáo Đặng Thái Q, Hứa Trung P, Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A và Thái Thành S1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Q đã tham gia và hoàn thành nghĩa vụ quân sự được quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Trần Chí H2 và Nguyễn Nhựt H4, cách ly bị cáo H2, H4 ra khỏi xã hội một thời gian với mức án tương xứng với hành vi và đặc điểm nhân thân của bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A, Đặng Thái Q, Hứa Trung P và Thái Thành S1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, các bị cáo P, L, A, và S1 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, quá trình được tại ngoại chấp hành nghiêm quy định của pháp luật nên xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt bị cáo bằng hình thức cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A, Đặng Thái Q, Hứa Trung P và Thái Thành S1 cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát đối với các bị cáo là đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung nhưng vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật. Do bản thân các bị cáo hiện không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, các bị cáo L, Ngọc A, P, S1 phạm tội khi chưa thành niên nên không buộc các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ khấu trừ một phần thu nhập để sung công quỹ Nhà nước.

[4] Về vật chứng

- 05 (Năm) con dao tự chế gồm có:
 - + 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 70cm, cán gỗ dài 15cm, lưỡi dao kim loại dài 55cm;
 - + 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 70cm, cán kim loại quấn dây dù dài 15cm, lưỡi dao dài 55cm;
 - + 02 (hai) cây dao tự chế dài khoảng 50cm, cán gỗ dài 15cm, lưỡi dao kim loại dài 35cm;
 - + 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 50cm, cán nhựa dài 15cm, lưỡi dao kim loại dài 35cm.

Các vật chứng trên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu xanh của Nguyễn Nhựt H4 sử dụng vào việc phạm tội nên cần sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12, của Đặng Thái Q không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 (Một) xe mô tô biển số 78G1 – 577.93, số máy: 2412122, số khung: MH1KF4120MK408002 do Đặng Thái Q sử dụng. Kết quả xác minh xác định đây là tài sản của chị Đoàn Thị Hồng H5, chị H5 cho Q mượn xe nhưng không biết Q sử dụng vào việc phạm tội nên Công an phường H, thành phố B đã trả lại xe cho chị H5 là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số: 60H5 – 1304, số máy: Y0096747, số khung: Y0511016 do Trần Chí H2 sử dụng. Kết quả tra cứu, xe mô tô trên do Trần Thái P1, địa chỉ 18/21/39/3, P Q, TP B, Đồng Nai đứng tên đăng ký xe. Qua xác minh P1 không có mặt địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được để làm rõ nguồn gốc và chủ sở hữu nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 (Một) xe mô tô biển số 60T7 – 8220, số máy: 00001310, số khung: T000438 do Nguyễn Nhật H4 sử dụng. Kết quả tra cứu xe mô tô trên do Trương Văn P2 (sinh năm 1977, ngụ tại A, khu phố B, phường T, thành phố B) đứng tên đăng ký xe. Qua xác minh P2 không có mặt địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được để làm rõ nguồn gốc và chủ sở hữu nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ sau, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với Đinh Đông Anh H10, sinh ngày 12/9/2007, Huỳnh Văn H6, sinh ngày 14/11/2008, Đặng Thanh H8, sinh ngày 25/12/2007, Châu Hồng H7, sinh ngày 14/04/2008, Chung Bảo L2, sinh ngày 23/08/2008, Võ Văn T5, sinh ngày 03/01/2009 và Hồng Kim B3, sinh ngày 10/05/2010 có hành vi tụ tập cùng các bị cáo, chuẩn bị hung khí để gây thương tích cho người khác nhưng do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt hành chính, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Lê Văn T4 có hành vi thách thức đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng T4 không không rủ rê, lôi kéo đồng bọn và không chuẩn bị hung khí để đi đánh nhau nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với T4 là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với Trịnh Thanh N1 và Trần Phương V1 có hành vi giúp Anh H10 gửi định vị cho Tâm địa đ. N1 khai khi H10 nhờ gửi vị trí cho tâm thì H10 không nói cho N1 biết việc hai bên hẹn để đánh nhau mà chỉ hẹn để gặp nhau nói chuyện. Kiểm tra tin nhắn trên điện thoại không thể hiện việc hẹn gặp để đánh nhau giữa Anh H10 và T4 mà chỉ có nội dung chửi bới qua lại và hẹn gặp nhau lúc 01 giờ ngày 07/9/2023. Sau khi bị Công an phường H phát hiện thì Anh H10 đã bỏ trốn khỏi địa phương nên chưa làm việc được với H10 về nội dung này để làm rõ hành vi của N1. Kết quả điều tra chưa đủ căn cứ xác định N1 và V1 đồng phạm giúp sức cho các bị can nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau đối với N1 và V1, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí:

Buộc các bị cáo Đặng Thái Q, Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A và Thái Thành S1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Hứa Trung P có đơn xin miễn giảm án phí. Xét thấy, bị cáo chưa thành niên, gia đình được địa phương chứng nhận và cấp sổ hộ cận nghèo nên cần xem xét miễn án phí hình sự cho bị cáo P theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, đúng pháp luật, phần lớn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận phần phù hợp. Riêng đề xuất mức hình phạt tù đối với bị cáo Q xét thấy là không cần thiết. Vì bị cáo Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nơi cư trú ổn định, hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng. Do đó, xét không cần thiết áp dụng hình phạt tù cho bị cáo Q mà cho bị cáo Q được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để có cơ hội cải tạo, sửa chữa bản thân và có thời gian ở ngoài để lao động phụ giúp gia đình.

- Đối với phần trình bày của các bị cáo phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Đối với phần trình bày của bà Nguyễn Ngọc H là người bào chữa cho bị cáo L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; đối với phần trình bày của bà Hoàng Minh T2 và bà Nguyễn Thị L1 bào chữa cho các bị cáo Ngọc A, P và S1 có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

- Lời khai của các bị cáo tại phiên Tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 6 Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A, Đặng Thái Q, Hứa Trung P, Trần Chí H2, Nguyễn Nhật H4 và Thái Thành S1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”

- Áp dụng khoản 6 Điều 134; Điều 17; Điều 58; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 100 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn L** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134; Điều 17; Điều 58; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 100; Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc A** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134; Điều 17; Điều 58; Điều 36; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Đặng Thái Q** 01 (một) năm 04 (bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2023 đến ngày 14/9/2023.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134; Điều 17; Điều 58; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 100; Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Hứa Trung P** 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134; Điều 17; Điều 58; Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 100; Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Thái Thành S1** 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Tấn L cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giao bị cáo Trần Ngọc A, Thái Thành S1 và Đặng Thái Q cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giao bị cáo Hứa Trung P cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Các bị cáo L, Ngọc A, Q, P, S1 khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân nơi giám sát, giáo dục đồng ý bằng văn bản.

Các bị cáo L, Ngọc A, Q, P, S1 phải thực hiện những nghĩa vụ trong quá trình cải tạo không giam giữ tại địa phương theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Trần Chí H2** 09 (chín) tháng 11 (mười một) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2023.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Nhựt H4** 09 (chín) tháng 11 (mười một) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2023.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Chí H2 và bị cáo Nguyễn Nhựt H4 nếu không bị tam giam về một tội phạm khác.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy các con dao tự chế gồm có:

+ 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 70cm, cán gỗ dài 15cm, lưỡi dao kim loại dài 55cm;

+ 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 70cm, cán kim loại quấn dây dù dài 15cm, lưỡi dao dài 55cm;

+ 02 (hai) cây dao tự chế dài khoảng 50cm, cán gỗ dài 15cm, lưỡi dao kim loại dài 35cm;

+ 01 (một) cây dao tự chế dài khoảng 50cm, cán nhựa dài 15cm, lưỡi dao kim loại dài 35cm.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO F9, số I: 866376047073835 màu xanh của Nguyễn Nhựt H4 sử dụng vào việc phạm tội.

Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định chuyển vật chứng số 3346/QĐ-VKSBH ngày 21/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và Biên bản giao nhận vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa ngày 07/5/2024.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn L, Trần Ngọc A, Đặng Thái Q, Trần Chí H2, Nguyễn Nhựt H4 và Thái Thành S1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo L, P, S1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người đại diện theo pháp luật cho các bị cáo L, P và S1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày,

kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Bị cáo, người bào chữa; người đại diện theo pháp luật của bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự - ATXH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nguyệt

